**BÀI 30. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN**

**NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**1. Giao thông vận tải**

***a. Đường bộ (đường ô tô)***

- Nhờ huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư nên mạng lưới đường bộ được mở rộng và hiện đại hóa và phủ kín các vùng.

- Các tuyến đường chính: hai trục đường xuyên quốc gia là quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh.

+ Quốc lộ 1 từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau) dài 2300 km, là tuyến đường xương sống của hệ thống đường bộ, nối các vùng kinh tế (trừ Tây Nguyên) và hầu hết các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

+ Đường Hồ Chí Minh là trục đường bộ xuyên quốc gia thứ 2, có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía Tây đất nước.

+ Một số tuyến quan trọng hướng Đông - Tây: (đọc Atlat trang 23)

- Trong quá trình hội nhập quốc tế, hệ thống đường bộ Việt Nam cũng đang hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực với các tuyến đường thuộc mạng lưới đường bộ xuyên Á trên lãnh thổ Việt Nam.

***b. Đường sắt***

- Tổng chiều dài là 3143 km.

- Đường sắt Thống Nhất dài 1.726 km (Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh) là trục giao thông quan trọng theo hướng Bắc - Nam.

- Các tuyến đường khác:

- Các tuyến đường thuộc mạng lưới đường sắt xuyên Á trên lãnh thổ Việt Nam đang xây dựng và nâng cấp để đạt tiêu chuẩn đường sắt ASEAN.

***c. Đường sông***

- Nhiều sông ngòi nhưng mới chỉ sử dụng khoảng 11.000 km vào mục đích giao thông.

- Tập trung trong một số hệ thống sông chính: hệ thống sông Hồng - Thái Bình, hệ thống sông Mê Công - Đồng Nai và một số sông lớn ở miền Trung.

***d. Ngành vận tải đường biển***

- Đường bờ biển dài 3260 km, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió, nhiều đảo, quần đảo ven bờ, nằm trên đường hàng hải quốc tế… là những thuận lợi để phát triển giao thông đường biển.

- Các tuyến đường biển ven bờ chủ yếu theo hướng Bắc - Nam. Quan trọng nhất là tuyến Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh dài 1500 km.

- Các cảng biển trong nước và quốc tế (đọc Atlat trang 23)

- Các tuyến đường biển trong nước và quốc tế (đọc Atlat trang 23)

***e. Đường hàng không***

- Là ngành non trẻ nhưng có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược phát triển táo bạo, nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

- Các sân bay trong nước và quốc tế (đọc Atlat trang 23)

- Các tuyến đường bay trong nước và quốc tế (đọc Atlat trang 23)

- Đã mở các đường bay đến nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

***g. Đường ống***

- Ngày càng phát triển, gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.

- Các tuyến đường ông dẫn dầu khí (đọc Atlat trang 22)

**2. Ngành thông tin liên lạc**

***a. Bưu chính***

- Đặc diểm nổi bật: Có tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.

- Hạn chế: mạng lưới phân bố chưa hợp lí, công nghệ lạc hậu, quy trình nghiệp vụ còn mang tính thủ công, thiếu lao động trình độ cao…

- Hướng phát triển: cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa nhằm đạt trình độ hiện đại ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực ; đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

***b. Viễn thông***

- Đặc diểm nổi bật: tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại.

- Mạng lưới viễn thông: khá đa dạng và không ngừng phát triển, gồm mạng điện thoại, mạng phi thoại, mạng truyền dẫn…

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP**

**Câu 1.** Đường sắt Thống Nhất chạy dài từ

 A. Hà Giang đến Thành phố Hồ Chí Minh. B. Lào Cai đến Thành phố Hồ Chí Minh.

 C. Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh. D. Hà Nội đến Cà Mau.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về giao thông nước ta hiện nay?

 A. Hệ thống đường bộ nước ta chưa hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực.

 B. Tất cả các thành phố trực thuộc Trung ương đều có hệ thống đường sắt.

 C. Trong những năm qua, nhiều tuyến đường cao tốc đã được xây dựng và đưa vào vận hành.

 D. Tất cả các tuyến đường sắt ở nước ta đều có khổ đường nhỏ.

**Câu 3.** Điểm nổi bật của ngành viễn thông nước ta **không** phải là

 A. tập trung nhiều vào các hoạt động công ích hơn là kinh doanh.

 B. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

 C. đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại của thế giới.

 D. mạng lưới viễn thông đa dạng.

**Câu 4.** Ngành vận tải đường ống nước ta phát triển gắn với sự phát triển của ngành

 A. giao thông đường biển. B. khai thác dầu khí.

 C. khai thác than. D. giao thông đường sông.

**Câu 5.** Hai trục đường bộ xuyên quốc gia của nước ta là

 A. quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh. B. quốc lộ 1 và quốc lộ 14.

 C. quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam. D. quốc lộ 14 và đường Hồ Chí Minh.

**Câu 6.** Để đạt trình độ hiện đại ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, ngành bưu chính cần phát triển theo hướng

 A. tin học hóa và tự động hóa. B. tăng cường các hoạt động công ích.

 C. đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh. D. giảm số lượng lao động thủ công.

**Câu 7.** Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

 A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

 B. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

 C. Có các dòng biển chạy ven bờ.

 D. Nằm trên đường hàng hải quốc tế.

**Câu 8.** Tuyến đường biển quan trọng nhất nước ta là

 A. Sài Gòn - Cà Mau. B. Phan Rang - Sài Gòn.

 C. Hải Phòng - Thành Phố Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng - Quy Nhơn.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Lào?

 A. Tây Trang, Lệ Thanh. B. Cha Lo, Lao Bảo.

 C. Nậm Cắn, Hoa Lư. D. Nậm Cắn, Lệ Thanh.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy sắp xếp các cảng biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 A. Hải Phòng, Vũng Tàu, Dung Quất. B. Hải Phòng, Dung Quất, Vũng Tàu.

 C. Hải Phòng, Vũng Tàu, Đà Nẵng. D. Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết quốc lộ nào sau đây nối Hữu Nghị với Hà Nội?

 A. Quốc lộ 5. B. Quốc lộ 1. C. Quốc lộ 2. D. Quốc lộ 18.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu

Số khách quốc tế và doanh thu dịch vụ lữ hành của nước ta, giai đoạn 2010 - 2014

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** |
| Số khách quốc tế (nghìn lượt người) | 5 049,8 | 6 014,0 | 6 847,7 | 7 572,4 | 7 874,3 |
| Doanh thu dịch vụ lữ hành (tỉ đồng) | 10 278,4 | 15 539,3 | 18 091,6 | 18 852,9 | 24 820,6 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

 A. Số khách quốc tế tăng liên tục. B. Số lượt khách tăng nhanh hơn doanh thu.

 C. Doanh thu tăng liên tục. D. Doanh thu tăng nhanh hơn lượt khách.